

Số: 685 /QĐ-QLTTNA

Nghệ An, ngày 12 tháng 7 năm 2024

**QUYẾT ĐỊNH**

**Về việc công bố công khai số liệu điều chỉnh số giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024 (lần 1) của Cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An**

**CỤC TRƯỞNG CỤC QUẢN LÝ THỊ TRƯỜNG TỈNH NGHỆ AN**

Căn cứ Nghị định số 163/2016/NĐ-CP ngày 21 tháng 12 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách nhà nước và tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-BTC ngày 28 tháng 9 năm 2018 Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư 61/2017/TT-BTC ngày 15/6/2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với các đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Quyết định số 2140/QĐ-TCQLTT ngày 29 tháng 12 năm 2023 của Tổng cục trưởng Tổng cục Quản lý thị trường về việc giao dự toán chi Ngân sách nhà nước năm 2024;

Căn cứ Quyết định số 1550/QĐ-TCQLTT ngày 28 tháng 6 năm 2024 của Tổng cục Quản lý thị trường về việc điều chỉnh số giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024 (lần 1);

Theo đề nghị của Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố công khai số liệu điều chỉnh giao dự toán chi ngân sách Nhà nước năm 2024 (lần 1) (theo biểu đính kèm).

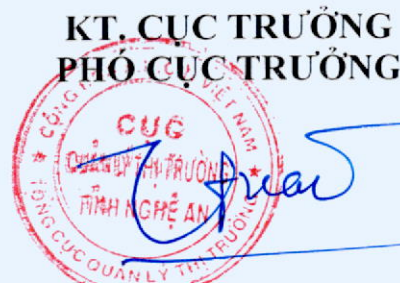
**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Trưởng các Phòng tham mưu tổng hợp và chuyên môn, nghiệp vụ, Đội trưởng các Đội Quản lý thị trường, toàn thể công chức, người lao động thuộc Cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổng cục QLTT (để b/c);
- Cục trưởng (để b/c)
- Lưu: VT, TCHC





**Nguyễn Xuân Đôn**

Đơn vị: Cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An  
Chương: 016

**DỰ TOÁN NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(Kèm theo Quyết định số 635/QĐ-QLTTNA ngày 12/7/2024

CỦA của Cục trưởng Cục Quản lý thị trường tỉnh Nghệ An)

DVT: đồng

| TT | Nội dung                                                                                                    | Trong đó              |                                     |
|----|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-------------------------------------|
|    |                                                                                                             | Tổng số               | Trong đó:<br>TK 10%<br>CC<br>TLương |
|    | <b>Dự toán chi ngân sách nhà nước. Trong đó</b>                                                             | <b>24.318.000.000</b> |                                     |
| 1  | Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                                   | 20.435.000.000        |                                     |
| 2  | Kinh phí thực hiện không tự chủ                                                                             | 3.883.000.000         |                                     |
| 3  | Kinh phí nghiên cứu KHCN                                                                                    | 0                     |                                     |
|    | <b>Chi tiết theo loại chi</b>                                                                               |                       |                                     |
|    | <b>Chi Quản lý nhà nước: Loại 340-341</b>                                                                   | <b>24.318.000.000</b> |                                     |
| 1  | Kinh phí thực hiện tự chủ                                                                                   | 20.435.000.000        |                                     |
|    | <i>Tổng quỹ lương công chức và định mức chi QLHC năm 2024</i>                                               | 20.435.000.000        |                                     |
| 2  | Kinh phí thực hiện không tự chủ, trong đó:                                                                  | 3.883.000.000         |                                     |
|    | <i>Kinh phí Thuê trụ sở làm việc, kho hàng</i>                                                              | 1.029.000.000         |                                     |
|    | <i>Kinh phí xử phạt vi phạm hành chính; Chống buôn lậu, gian lận thương mại, hàng giả; Ban chỉ đạo 389)</i> | 2.854.000.000         |                                     |
|    | <i>Kinh phí thực hiện chính sách tinh giản biên chế</i>                                                     | 0                     |                                     |